

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-9-2020  
“V/v Tranh chấp về ly hôn và yêu  
cầu nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tôn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Bà Vũ Thị Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28/02/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* Chị Thị D, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 31/01/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Vào năm 2011, anh kết hôn cùng với chị Thị D, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/7/2011.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D có người đàn ông khác bên ngoài, không chung thủy nên vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay, anh nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc V – sinh ngày 12/4/2013, hiện nay đang sống cùng với anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn với chị Thị D; Về con chung, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Thị D không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị D không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Thị D; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc V – sinh ngày 12/4/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận việc anh T không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên miễn xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Thị D được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS 2015).

Chị Thị D với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Thị D xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 77/2011 ngày 07/7/2011, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T xin được ly hôn với chị Thị D vì lý do chị D có người đàn ông khác bên ngoài, không chung thủy với anh nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng đã tự ly thân với nhau khoảng 02 năm. Đối với chị Thị D, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng chị D đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh T khai rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã không thể hàn gắn vì anh không chấp nhận một người vợ không chung thủy, anh cũng không còn tình cảm gì với chị D nên anh cương quyết ly hôn. HĐXX thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc V – sinh ngày 12/4/2013, hiện nay, cháu V đang sống cùng với anh T nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Đối với chị D, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, chị D đều không có mặt cũng không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của anh T nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của chị D.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T, HĐXX thấy rằng, anh T là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu V cũng được phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Đồng thời, cháu V cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh T. Vì vậy, cần giao con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Vy. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ anh T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Thị D.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc V – sinh ngày 12/4/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở chị thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008805, ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí.

**4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Văn Tôn**